

TỔNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TỈNH NINH BÌNH

TCVN ISO 9001:2015

QUY TRÌNH
ĐỀ NGHỊ MIỄN, GIẢM CHI PHÍ CƯỖNG CHẾ THI HÀNH ÁN

MÃ HIỆU : QT.NV.05
LẦN BAN HÀNH : 01
NGÀY BAN HÀNH : 30/6/2021

	SOẠN THẢO	SOÁT XÉT	PHÊ DUYỆT
Họ và tên	Trương Thị Hương	Giang Công Thủy	Phạm Xuân Túy
Chữ ký		 	
Chức vụ	Chấp hành viên	Trưởng phòng	Cục trưởng

CỤC THADS TỈNH NINH BÌNH	QUY TRÌNH ĐỀ NGHỊ MIỄN, GIẢM CHI PHÍ CƯỜNG CHẾ THI HÀNH ÁN	Mã hiệu:	QT.NV.05
		Ngày ban hành:	30/6/2021
		Lần ban hành:	01
		Trang:	2/8

MỤC LỤC

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

1. MỤC ĐÍCH
2. PHẠM VI
3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN
4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT
5. NỘI DUNG QUY TRÌNH
6. BIỂU MẪU
7. HỒ SƠ CẢN LƯU

CỤC THADS TỈNH NINH BÌNH	QUY TRÌNH ĐỀ NGHỊ MIỄN, GIẢM CHI PHÍ CƯỜNG CHẾ THI HÀNH ÁN	Mã hiệu:	QT.NV.05
		Ngày ban hành:	30/6/2021
		Lần ban hành:	01
		Trang:	4/8

1.MỤC ĐÍCH

Quy định thống nhất trách nhiệm, thời gian thực hiện, trình tự, cách thức miễn, giảm chi phí cưỡng chế thi hành án dân sự.

2. PHẠM VI

Quy trình áp dụng đối với: Thủ trưởng, các Phó Thủ trưởng được phân công, Chấp hành viên, Kế toán, văn thư, đương sự trong vụ việc thi hành án; các phòng có liên quan gồm: Phòng Nghiệp vụ & Tổ chức thi hành án, Văn phòng Cục Thi hành án dân sự tỉnh; Bộ phận 1 cửa.

3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

- Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015;
- Luật Thi hành án dân sự số 26/2008/QH12 ngày 14/11/2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự số 64/2014/QH13 ngày 25/11/2014;
- Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án dân sự;
- Thông tư số 01/2016/TT-BTP ngày 01/02/2016 của Bộ Tư pháp hướng dẫn một số thủ tục về quản lý hành chính và biểu mẫu nghiệp vụ trong thi hành án dân sự.

4. ĐỊNH NGHĨA/ VIẾT TẮT

THADS: Thi hành án dân sự

CỤC THADS TỈNH NINH BÌNH	QUY TRÌNH ĐỀ NGHỊ MIỄN, GIẢM CHI PHÍ CƯỜNG CHẾ THI HÀNH ÁN	Mã hiệu:	QT.NV.05
		Ngày ban hành:	30/6/2021
		Lần ban hành:	01
		Trang:	5/8

5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

5.1	Cơ sở pháp lý		
	<p>- Luật Thi hành án dân sự số 26/2008/QH12 ngày 14/11/2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự số 64/2014/QH13 ngày 25/11/2014;</p> <p>- Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án dân sự;</p> <p>- Thông tư số 01/2016/TT-BTP ngày 01/02/2016 của Bộ Tư pháp hướng dẫn một số thủ tục về quản lý hành chính và biểu mẫu nghiệp vụ trong thi hành án dân sự.</p>		
5.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	1. Đơn đề nghị miễn hoặc giảm chi phí cưỡng chế thi hành án dân sự; Giấy ủy quyền (nếu có)	x	
	2. Tài liệu có liên quan chứng minh điều kiện miễn phí chi phí cưỡng chế thi hành án dân sự: Thuộc diện gia đình chính sách, có công với cách mạng. Đương sự là gia đình chính sách, có công với cách mạng phải có giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền cấp để chứng minh.	x	
	3. Tài liệu có liên quan chứng minh điều kiện giảm chi phí cưỡng chế thi hành án dân sự bao gồm 1 trong những điều kiện sau: - Có thu nhập không đảm bảo mức sinh hoạt tối thiểu để sinh sống bình thường hoặc bị lâm vào hoàn cảnh kinh tế đặc biệt khó khăn kéo dài do thiên tai, hỏa hoạn. Việc xác định mức sinh hoạt tối thiểu của người phải thi hành án và người mà người đó có nghĩa vụ cấp dưỡng, nuôi dưỡng được căn cứ vào chuẩn hộ nghèo của từng địa phương nơi người đó cư trú, nếu địa phương chưa có quy định thì theo chuẩn hộ nghèo do Thủ tướng Chính phủ ban hành theo từng giai đoạn cụ thể.	x	

CỤC THADS TỈNH NINH BÌNH	QUY TRÌNH ĐỀ NGHỊ MIỄN, GIẢM CHI PHÍ CƯỜNG CHẾ THI HÀNH ÁN	Mã hiệu:	QT.NV.05
		Ngày ban hành:	30/6/2021
		Lần ban hành:	01
		Trang:	6/8

	<p>Mức tiền tối thiểu để lại cho hoạt động sản xuất kinh doanh do Chấp hành viên ấn định căn cứ vào tính chất ngành, nghề kinh doanh; quy mô kinh doanh của người phải thi hành án và mức ấn định này có thể được điều chỉnh.</p> <p>- Thuộc diện neo đơn, tàn tật, ốm đau kéo dài.</p> <p>Đương sự có khó khăn về kinh tế, thuộc diện neo đơn thì phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú, sinh sống hoặc xác nhận của Thủ trưởng cơ quan, tổ chức nơi người đó nhận thu nhập.</p> <p>Đương sự bị tàn tật, ốm đau kéo dài phải có tóm tắt hồ sơ bệnh án được cơ sở khám bệnh, chữa bệnh từ cấp huyện trở lên xác nhận</p>			
5.3	Số lượng hồ sơ			
	01 bộ			
5.4	Thời gian xử lý			
	05 ngày làm việc			
5.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả			
	Bộ phận 1 cửa			
5.6	Lệ phí			
	Không			
5.7	Quy trình xử lý công việc			
QUY TRÌNH XỬ LÝ CÔNG VIỆC				
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
B1	Nộp đơn đề nghị miễn, giảm chi phí cưỡng chế THADS và tài liệu chứng minh đủ điều kiện miễn, giảm chi phí cưỡng chế THADS	Đương sự/ Người được ủy quyền	Giờ hành chính	Đơn đề nghị BM.NV.05.01

CỤC THADS TỈNH NINH BÌNH	QUY TRÌNH ĐỀ NGHỊ MIỄN, GIẢM CHI PHÍ CƯỜNG CHẾ THI HÀNH ÁN	Mã hiệu:	QT.NV.05
		Ngày ban hành:	30/6/2021
		Lần ban hành:	01
		Trang:	7/8

B2	Tiếp nhận hồ sơ và phiếu nhận đơn, hẹn ngày trả kết quả	Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	Phiếu nhận đơn BM.NV.05.02
B3	Chuyển hồ sơ cho Thủ trưởng/Lãnh đạo đơn vị phụ trách	Bộ phận một cửa	½ ngày	
B4	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Cục	½ ngày	
B5	Thẩm định hồ sơ: - Trường hợp đơn, tài liệu chưa đầy đủ thì hướng dẫn người yêu cầu bổ sung theo quy định - Trường hợp, hồ sơ đáp ứng yêu cầu, thực hiện bước tiếp theo.	Chấp hành viên	01 ngày	Công văn phúc đáp
B6	Chuẩn bị hồ sơ báo cáo Lãnh đạo phòng trình Lãnh đạo Cục về việc đương sự đề nghị miễn, giảm chi phí cưỡng chế THADS	Chấp hành viên	½ ngày	
B7	Duyệt hồ sơ đề nghị	Lãnh đạo Cục	½ ngày	
B8	Ban hành Quyết định miễn, giảm chi phí cưỡng chế THADS	Thủ trưởng cơ quan THADS	01 ngày	Quyết định miễn, giảm chi phí BM.NV.05.03
B9	Trả kết quả	Bộ phận một cửa	01 ngày	Quyết định miễn, giảm chi phí BM.NV.05.03

6. BIỂU MẪU

<i>TT</i>	<i>Mã hiệu</i>	<i>Tên Biểu mẫu</i>
1.	BM.NV.05.01	Đơn đề nghị miễn, giảm chi phí cưỡng chế THADS
2.	BM.NV.05.02	Phiếu nhận đơn
3.	BM.NV.05.03	Quyết định miễn, giảm chi phí cưỡng chế THADS

CỤC THADS TỈNH NINH BÌNH	QUY TRÌNH ĐỀ NGHỊ MIỄN, GIẢM CHI PHÍ CƯỜNG CHẾ THI HÀNH ÁN	Mã hiệu:	QT.NV.05
		Ngày ban hành:	30/6/2021
		Lần ban hành:	01
		Trang:	8/8

7. HỒ SƠ CÀN LƯU

<i>TT</i>	<i>Hồ sơ lưu</i>
1.	Đơn đề nghị miễn, giảm chi phí cưỡng chế THADS, Giấy ủy quyền (nếu có)
2.	Các tài liệu chứng minh thuộc đối tượng miễn, giảm chi phí cưỡng chế THADS
3.	Văn bản thông báo yêu cầu bổ sung tài liệu chứng minh thuộc đối tượng được miễn, giảm chi phí cưỡng chế THADS
4.	Quyết định miễn, giảm chi phí cưỡng chế THADS

TỔNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TỈNH NINH BÌNH

TCVN ISO 9001:2015

QUY TRÌNH
ĐỀ NGHỊ MIỄN, GIẢM PHÍ THI HÀNH ÁN

MÃ HIỆU : QT.NV.04
LẦN BAN HÀNH : 01
NGÀY BAN HÀNH : 30/6/2021

	SOẠN THẢO	SOÁT XÉT	PHÊ DUYỆT
Họ và tên	Trương Thị Hương	Giang Công Thủy	Phạm Xuân Túy
Chữ ký		 	
Chức vụ	Chấp hành viên	Trưởng phòng	Cục trưởng

CỤC THADS TỈNH NINH BÌNH	QUY TRÌNH ĐỀ NGHỊ MIỄN, GIẢM PHÍ THI HÀNH ÁN	Mã hiệu:	QT.NV.04
		Ngày ban hành:	30/6/2021
		Lần ban hành:	01
		Trang:	2/8

MỤC LỤC

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

- 1. MỤC ĐÍCH**
- 2. PHẠM VI**
- 3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN**
- 4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT**
- 5. NỘI DUNG QUY TRÌNH**
- 6. BIỂU MẪU**
- 7. HỒ SƠ CẢN LƯU**

CỤC THADS TỈNH NINH BÌNH	QUY TRÌNH ĐỀ NGHỊ MIỄN, GIẢM PHÍ THI HÀNH ÁN	Mã hiệu:	QT.NV.04
		Ngày ban hành:	30/6/2021
		Lần ban hành:	01
		Trang:	4/8

1. MỤC ĐÍCH

Quy định thống nhất trách nhiệm, thời gian thực hiện, trình tự, cách thức miễn, giảm phí thi hành án dân sự.

2. PHẠM VI

Quy trình áp dụng đối với: Thủ trưởng, các Phó Thủ trưởng được phân công, Chấp hành viên, Kế toán, văn thư, đương sự trong vụ việc thi hành án; các phòng có liên quan gồm: Phòng Nghiệp vụ & Tổ chức thi hành án; Văn phòng Cục Thi hành án dân sự tỉnh; Bộ phận 1 cửa.

3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

- Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015;
- Luật Thi hành án dân sự số 26/2008/QH12 ngày 14/11/2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự số 64/2014/QH13 ngày 25/11/2014;
- Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án dân sự;
- Thông tư số 01/2016/TT-BTP ngày 01/02/2016 của Bộ Tư pháp hướng dẫn một số thủ tục về quản lý hành chính và biểu mẫu nghiệp vụ trong thi hành án dân sự;
- Thông tư số 216/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thi hành án dân sự.

4. ĐỊNH NGHĨA/ VIẾT TẮT

THADS: Thi hành án dân sự

CỤC THADS TỈNH NINH BÌNH	QUY TRÌNH ĐỀ NGHỊ MIỄN, GIẢM PHÍ THI HÀNH ÁN	Mã hiệu:	QT.NV.04
		Ngày ban hành:	30/6/2021
		Lần ban hành:	01
		Trang:	5/8

5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

5.1	Cơ sở pháp lý		
	<p>- Luật Thi hành án dân sự số 26/2008/QH12 ngày 14/11/2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự số 64/2014/QH13 ngày 25/11/2014;</p> <p>- Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án dân sự;</p> <p>- Thông tư số 01/2016/TT-BTP ngày 01/02/2016 của Bộ Tư pháp hướng dẫn một số thủ tục về quản lý hành chính và biểu mẫu nghiệp vụ trong thi hành án dân sự;</p> <p>- Thông tư số 216/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thi hành án dân sự.</p>		
5.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	1. Đơn đề nghị miễn hoặc giảm phí thi hành án dân sự; giấy ủy quyền (nếu có)	x	
	<p>2. Tài liệu có liên quan chứng minh điều kiện miễn phí thi hành án dân sự bao gồm 1 trong những điều kiện sau:</p> <p>- Được hưởng chế độ ưu đãi người có công với cách mạng;</p> <p>- Thuộc diện neo đơn được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú xác nhận; thuộc diện tàn tật hoặc ốm đau kéo dài có tóm tắt hồ sơ bệnh án được cơ sở khám bệnh, chữa bệnh từ cấp huyện trở lên xác nhận;</p> <p>- Người được thi hành án xác minh chính xác sau khi cơ quan thi hành án dân sự đã ra quyết định về việc chưa có điều kiện thi hành án theo quy định tại khoản 1 Điều 44a Luật Thi hành án dân sự và cơ quan thi hành án dân sự xử lý được tài sản để thi hành án.</p>	x	
	3. Tài liệu có liên quan chứng minh điều kiện giảm phí thi hành án dân sự bao gồm 1 trong những điều kiện sau: <p>- Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú hoặc cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc xác nhận người có</p>	x	

CỤC THADS TỈNH NINH BÌNH	QUY TRÌNH ĐỀ NGHỊ MIỄN, GIẢM PHÍ THI HÀNH ÁN	Mã hiệu:	QT.NV.04
		Ngày ban hành:	30/6/2021
		Lần ban hành:	01
		Trang:	6/8

	<p>khó khăn về kinh tế thuộc chuẩn hộ nghèo;</p> <p>- Người được thi hành án xác minh chính xác khi yêu cầu thi hành án và cơ quan thi hành án dân sự xử lý được tài sản để thi hành án mà không phải áp dụng biện pháp cưỡng chế cầm huy động lực lượng, trừ trường hợp tài sản đã được xác định trong bản án, quyết định của Tòa án, Trọng tài thương mại;</p> <p>- Người được thi hành án xác minh chính xác khi yêu cầu thi hành án và cơ quan thi hành án dân sự xử lý được tài sản để thi hành án nếu phải áp dụng biện pháp cưỡng chế cầm huy động lực lượng, trừ trường hợp tài sản đã được xác định trong bản án, quyết định của Tòa án, Trọng tài thương mại.</p>			
5.3	Số lượng hồ sơ			
	01 bộ			
5.4	Thời gian xử lý			
	05 ngày làm việc			
5.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả			
	Bộ phận 1 cửa			
5.6	Lệ phí			
	Không			
5.7	Quy trình xử lý công việc			
QUY TRÌNH XỬ LÝ CÔNG VIỆC				
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
B1	Nộp đơn đề nghị miễn, giảm phí THADS và tài liệu kèm theo chứng minh đủ điều kiện miễn, giảm phí THADS	Người được thi hành án/ Người được ủy quyền	Giờ hành chính	Đơn đề nghị BM.NV.04.01
B2	Tiếp nhận hồ sơ và ghi phiếu nhận đơn, hẹn ngày trả kết quả	Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	Phiếu nhận đơn BM.NV.04.02

CỤC THADS TỈNH NINH BÌNH	QUY TRÌNH ĐỀ NGHỊ MIỄN, GIẢM PHÍ THI HÀNH ÁN	Mã hiệu:	QT.NV.04
		Ngày ban hành:	30/6/2021
		Lần ban hành:	01
		Trang:	7/8

B3	Chuyển hồ sơ cho Thủ trưởng/Lãnh đạo đơn vị phụ trách	Bộ phận một cửa	½ ngày	
B4	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Cục	½ ngày	
B5	Thẩm định hồ sơ: - Trường hợp đơn, tài liệu chưa đầy đủ thì hướng dẫn người yêu cầu bổ sung theo quy định - Trường hợp, hồ sơ đáp ứng yêu cầu, thực hiện bước tiếp theo.	Chấp hành viên	01 ngày	Công văn phúc đáp
B6	Chuẩn bị hồ sơ báo cáo Lãnh đạo phòng trình Lãnh đạo Cục về việc người phải nộp phí đề nghị miễn, giảm phí THADS	Chấp hành viên	½ ngày	
B7	Duyệt hồ sơ đề nghị	Lãnh đạo Cục	½ ngày	
B8	Ban hành Quyết định miễn, giảm phí THADS	Thủ trưởng cơ quan THADS	01 ngày	Quyết định miễn, giảm phí THADS BM.NV.04.03
B9	Trả kết quả	Bộ phận một cửa	1 ngày	Quyết định miễn, giảm phí THADS BM.NV.04.03

6. BIỂU MẪU

<i>TT</i>	<i>Mã hiệu</i>	<i>Tên Biểu mẫu</i>
1.	BM.NV.04.01	Đơn đề nghị miễn, giảm phí THADS
2.	BM.NV.04.02	Phiếu nhận đơn
3.	BM.NV.04.03	Quyết định miễn, giảm phí THADS của Cục THADS

7. HỒ SƠ CÀN LƯU

<i>TT</i>	<i>Hồ sơ lưu</i>
1.	Đơn đề nghị miễn, giảm phí THADS
2.	Tài liệu chứng minh đủ điều kiện miễn, giảm phí THADS

CỤC THADS TỈNH NINH BÌNH	QUY TRÌNH ĐỀ NGHỊ MIỄN, GIẢM PHÍ THI HÀNH ÁN	Mã hiệu:	QT.NV.04
		Ngày ban hành:	30/6/2021
		Lần ban hành:	01
		Trang:	8/8

3.	Văn bản thông báo yêu cầu bổ sung tài liệu chứng minh thuộc đối tượng được miễn, giảm THADS
4.	Quyết định miễn, giảm phí THADS

TỔNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TỈNH NINH BÌNH

TCVN ISO 9001:2015

QUY TRÌNH
GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI VỀ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ (LẦN 2)

MÃ HIỆU : QT.GQKN.03
LẦN BAN HÀNH : 01
NGÀY BAN HÀNH : / /2021

	SOẠN THẢO	SOÁT XÉT	PHÊ DUYỆT
Họ và tên	Lê Anh Tú	Giang Văn Minh	Phạm Xuân Túy
Chữ ký		 	
Chức vụ	Thẩm tra viên	Trưởng phòng KTGQKNTC	Cục trưởng

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC	QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI VỀ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ (LẦN 2)	Mã hiệu:	QT.GQKN.03
		Ngày ban hành:	/ /2021
		Lần ban hành:	01
		Trang:	2/9

MỤC LỤC

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

1. MỤC ĐÍCH
2. PHẠM VI
3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN
4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT
5. NỘI DUNG QUY TRÌNH
6. BIỂU MẪU
7. HỒ SƠ CÀN LƯU

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC	QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI VỀ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ (LẦN 2)	Mã hiệu: QT.GQKN.03
		Ngày ban hành: / /2021
		Lần ban hành: 01
		Trang: 4/9

1. MỤC ĐÍCH

Quy định trình tự, thủ tục, thời hạn giải quyết khiếu nại lần hai, trách nhiệm thực hiện của công chức tham mưu ; Lãnh đạo Phòng Kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo; Lãnh đạo Cục Thi hành án dân sự các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nhằm đảm bảo việc giải quyết khiếu nại trong thi hành án dân sự được nhanh chóng, kịp thời, đúng quy định pháp luật, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân để nâng cao hiệu quả hoạt động thi hành án dân sự.

2. PHẠM VI ÁP DỤNG

Áp dụng đối với hoạt động giải quyết khiếu nại về thi hành án dân sự (lần 2).

Phòng Kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo tham mưu Lãnh đạo Cục Thi hành án dân sự chịu trách nhiệm thực hiện quy trình này.

3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

Các văn bản pháp quy liên quan đề cập tại mục 5.8

4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT

THADS: Thi hành án dân sự

GQKNTC: Giải quyết khiếu nại, tố cáo

GQKN: Giải quyết khiếu nại

5. NỘI DUNG

5.1	Điều kiện thực hiện thủ tục hành chính
	<p>Những trường hợp khiếu nại không được thụ lý giải quyết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định, hành vi bị khiếu nại không liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của người khiếu nại. - Người khiếu nại không có năng lực hành vi dân sự đầy đủ mà không có người đại diện hợp pháp, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. - Người đại diện không có giấy tờ chứng minh về việc đại diện hợp pháp của mình.

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC	QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI VỀ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ (LẦN 2)	Mã hiệu: QT.GQKN.03
		Ngày ban hành: / /2021
		Lần ban hành: 01
		Trang: 5/9

	<p>- Thời hiệu khiếu nại đã hết.</p> <p>- Việc khiếu nại đã có quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực thi hành, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 4 và điểm b khoản 7 Điều 142 của Luật THADS.</p> <p>- Việc khiếu nại giấu tên, mạo tên, không rõ địa chỉ, nhân danh tập thể, không có chữ ký hoặc điểm chỉ của người khiếu nại; việc khiếu nại đồng thời gửi nhiều cơ quan, trong đó đã đề gửi cơ quan có thẩm quyền giải quyết; việc khiếu nại đã mời người khiếu nại hai lần để xác định nội dung khiếu nại, yêu cầu cung cấp thông tin, tài liệu nhưng người khiếu nại không đến, không cung cấp theo yêu cầu mà không có lý do.</p>		
5.2	Thành phần hồ sơ khiếu nại lần 2 tiếp nhận ban đầu	Bản chính	Bản sao
	Đơn của người khiếu nại phải ghi rõ ngày, tháng, năm khiếu nại; họ, tên, địa chỉ của người khiếu nại; họ, tên, địa chỉ của người bị khiếu nại; nội dung khiếu nại, lý do khiếu nại và yêu cầu giải quyết. Đơn khiếu nại phải do người khiếu nại ký tên hoặc điểm chỉ	x	
	Nếu trình bày trực tiếp nội dung khiếu nại tại cơ quan có thẩm quyền giải quyết khiếu nại thì người có trách nhiệm tiếp nhận việc khiếu nại phải hướng dẫn người khiếu nại viết thành đơn hoặc ghi lại nội dung theo quy định, có chữ ký hoặc điểm chỉ của người khiếu nại	x	
	Nếu khiếu nại thông qua người đại diện thì người đại diện phải có giấy tờ chứng minh tính hợp pháp của việc đại diện	x	
	Quyết định về thi hành án dân sự bị khiếu nại	x	

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC	QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI VỀ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ (LẦN 2)	Mã hiệu: QT.GQKN.03
		Ngày ban hành: / /2021
		Lần ban hành: 01
		Trang: 6/9

	Các giấy tờ, bằng chứng, tài liệu liên quan đến khiếu nại (nếu có)	x	
	Bản sao Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu		x
5.3	Số lượng hồ sơ		
	01 bộ		
5.4	Thời gian xử lý		
	<p>- Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày thụ lý đơn khiếu nại đối với quyết định, hành vi về thi hành án trước khi áp dụng biện pháp bảo đảm, biện pháp cưỡng chế;</p> <p>- Trong thời hạn 45 ngày, kể từ ngày thụ lý đơn khiếu nại đối với quyết định, hành vi về áp dụng biện pháp cưỡng chế.</p> <p>Trường hợp cần thiết, đối với những vụ việc có tính chất phức tạp thì thời hạn giải quyết khiếu nại có thể kéo dài nhưng không quá 30 ngày, kể từ ngày hết thời hạn giải quyết khiếu nại.</p> <p>- Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày thụ lý đơn khiếu nại đối với quyết định, hành vi sau khi áp dụng biện pháp cưỡng chế.</p> <p>- Trường hợp ở vùng sâu, vùng xa, đường sá xa xôi, đi lại khó khăn, vụ việc có tính chất phức tạp thì thời hạn giải quyết khiếu nại có thể kéo dài nhưng không quá 30 ngày, kể từ ngày hết thời hạn giải quyết khiếu nại</p>		
5.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả		
	Cục Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình		
5.6	Lệ phí		
	Không		

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC	QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI VỀ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ (LẦN 2)	Mã hiệu: QT.GQKN.03
		Ngày ban hành: / /2021
		Lần ban hành: 01
		Trang: 7/9

5.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
B1	- Tiếp nhận đơn hoặc nội dung trình bày của tổ chức/cá nhân - Vào Sổ nhận đơn khiếu nại, tố cáo, đề nghị, kiến nghị, phản ánh về THADS	Công chức được phân công	01 ngày	Sổ nhận đơn khiếu nại, tố cáo, đề nghị, kiến nghị, phản ánh về THADS
B2	Phân công công chức thụ lý đơn	Lãnh đạo Cục	01 ngày	
B3	Ban hành Thông báo về việc thụ lý GQKN	Lãnh đạo Cục	02 ngày	Thông báo thụ lý đơn BM.GQKN.03.01
B4	Thông báo bằng văn bản cho người khiếu nại biết việc thụ lý đơn	Công chức được phân công	01 ngày	Sổ thụ lý khiếu nại
B5	Ban hành văn bản yêu cầu người bị khiếu nại báo cáo giải trình, cung cấp hồ sơ, tài liệu	Lãnh đạo Cục	01 ngày	Công văn yêu cầu báo cáo, giải trình
B6	Gửi văn bản yêu cầu giải trình đến người bị khiếu nại	Công chức được phân công	01 ngày	
B7	Người bị khiếu nại thực hiện	Người bị khiếu	05 ngày	Hồ sơ, tài liệu sao

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC	QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI VỀ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ (LẦN 2)	Mã hiệu: QT.GQKN.03
		Ngày ban hành: / /2021
		Lần ban hành: 01
		Trang: 8/9

	việc báo cáo giải trình, cung cấp hồ sơ, tài liệu	nại		gửi được đánh số bút lục, có xác nhận của Thủ trưởng cơ quan
B8	Nghiên cứu đơn khiếu nại, xây dựng dự thảo Quyết định GQKN	Lãnh đạo Phòng kiểm tra, GQKNTC; Công chức được phân công	20-35 ngày	Quyết định GQKN lần 2 BM.GQKN.03.02
B9	Ban hành Quyết định GQKN đối với khiếu nại thuộc thẩm quyền	Lãnh đạo Cục THADS	03 ngày	Quyết định GQKN lần 2 BM.GQKN.03.02
B10	Công khai kết quả giải quyết và thông báo đến người khiếu nại	Công chức được phân công	Giờ hành chính	Kết quả GQKN lần 2

Trường hợp ở vùng sâu, vùng xa, đường sá xa xôi, đi lại khó khăn, vụ việc có tính chất phức tạp thì thời hạn giải quyết khiếu nại có thể kéo dài nhưng không quá 30 ngày, kể từ ngày hết thời hạn giải quyết khiếu nại.

5.8 Cơ sở pháp lý

- Luật THADS số 26/2008/QH12;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật THADS số 64/2014/QH13;
- Thông tư số 02/2016/TT-BTP ngày 01/02/2016 của Bộ Tư pháp quy định quy trình giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo, đề nghị, kiến nghị, phản ánh trong THADS

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC	QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI VỀ THI HÀNH ÁN DẪN SỰ (LẦN 2)	Mã hiệu: QT.GQKN.03
		Ngày ban hành: / /2021
		Lần ban hành: 01
		Trang: 9/9

6. BIỂU MẪU

T T	Mã hiệu	Tên Biểu mẫu
1.	BM.GQKN.01.01	Thông báo thụ lý đơn
2.	BM.GQKN.01.02	Kết luận nội dung tố cáo
3.	BM.GQKN.01.03	Thông báo về việc giải quyết tố cáo
T T	Mã hiệu	Tên Biểu mẫu
1.	BM.GQKN.02.01	Thông báo thụ lý đơn
2.	BM.GQKN.02.02	Quyết định giải quyết khiếu nại lần 1
T T	Mã hiệu	Tên Biểu mẫu
4.	BM.GQKN.01.01	Thông báo thụ lý đơn
5.	BM.GQKN.01.02	Kết luận nội dung tố cáo
6.	BM.GQKN.01.03	Thông báo về việc giải quyết tố cáo
T T	Mã hiệu	Tên Biểu mẫu
1.	BM.GQKN.02.01	Thông báo thụ lý đơn
2.	BM.GQKN.02.02	Quyết định giải quyết khiếu nại lần 1
TT	Mã hiệu	Tên Biểu mẫu
1.	BM.GQKN.03.01	Thông báo thụ lý đơn
2.	BM.GQKN.03.02	Quyết định giải quyết khiếu nại lần 2

7. HỒ SƠ CÀN LƯU

TT	Hồ sơ lưu
1.	Theo mục 5.2
2.	Các biểu mẫu theo văn bản pháp quy hiện hành: Thông báo thụ lý khiếu nại, sổ thụ

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC	QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI VỀ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ (LẦN 2)	Mã hiệu: QT.GQKN.03
		Ngày ban hành: / /2021
		Lần ban hành: 01
		Trang: 10/9

	lý khiếu nại, hồ sơ thi hành án, Quyết định giải quyết khiếu nại
3.	Kết quả thực hiện giải quyết khiếu nại
4.	Các biểu mẫu khác (nếu có) được lưu trữ theo thời gian quy định

Số:/TB-CTHADS

Ninh Bình, ngày.....tháng.....năm 20....

THÔNG BÁO

Về việc thụ lý/không thụ lý đơn khiếu nại (tố cáo) thi hành án

Căn cứ Điều 148; ĐiềuLuật Thi hành án dân sự;
Căn cứ Bản án, Quyết định số: ngày.....tháng.....năm.....
của

Căn cứ Quyết định thi hành án số: ngày.....tháng.....năm.....
của

Căn cứ đơn khiếu nại (tố cáo) về thi hành án của ông (bà):
.....
địa chỉ:

Nội dung khiếu nại (tố cáo):
.....
.....
.....
.....

Sau khi xem xét đơn khiếu nại (tố cáo) về thi hành án của ông (bà), Cục Thi hành án dân sự
đã thụ lý (hoặc không thụ lý) đơn khiếu nại (tố cáo) về thi hành án của ông (bà)
.....

Lý do (trường hợp không thụ lý)
.....

Vậy, Cục Thi hành án dân sự
thông báo để ông (bà)..... biết./.

CỤC TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Người KN,TC;
- Lưu: VT, HS.

Số:/QĐ-CTHADS

Ninh Bình, ngày..... tháng..... năm 20....

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giải quyết khiếu nại của:

CỤC TRƯỞNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

Căn cứ khoản 2 Điều 142 Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ.....

Xét đơn của, địa chỉ.....

..... khiếu nại

.....(nêu nội dung khiếu nại).....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự nhận thấy:

.....

.....

.....(nhận xét, đánh giá).....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

....Từ những căn cứ và nhận định trên, Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự.....,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấp nhận (không chấp nhận) khiếu nại của
trú tại.....

....(nêu rõ chấp nhận phần nào, chấp nhận một phần hay toàn bộ).....

.....

.....

.....

.....

....(nêu biện pháp xử lý nếu có).....

.....

.....

Điều 3. Chấp hành viên được phân công tổ chức thi hành án (Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự), người được thi hành án, người phải thi hành án và những người có liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.
.....có quyền khiếu nại tiếp đến Tổng cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này (nếu là quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu)/.

CỤC TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Tổng cục THADS;
- Trung tâm DLTT & TK THADS;
- Viện KSND.....;
- Lưu: VT, HS.

TỔNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TỈNH NINH BÌNH

TCVN ISO 9001:2015

QUY TRÌNH
GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI VỀ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ (LẦN 1)

MÃ HIỆU : QT.GQKN.02
LẦN BAN HÀNH : 01
NGÀY BAN HÀNH : 30 / 6 /2021

	SOẠN THẢO	SOÁT XÉT	PHÊ DUYỆT
Họ và tên	Lê Anh Tú	Giang Văn Minh	Phạm Xuân Túy
Chữ ký			
Chức vụ	Thẩm tra viên	Trưởng phòng KTGQKNTC	Cục trưởng

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC	QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI VỀ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ (LẦN 1)	Mã hiệu: QT.GQKN.02
		Ngày ban hành: / /2021
		Lần ban hành: 01
		Trang: 4/9

1. MỤC ĐÍCH

Quy định trình tự, thủ tục, thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu, trách nhiệm thực hiện của công chức tham mưu; Lãnh đạo Phòng Kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo; Lãnh đạo Cục Thi hành án dân sự các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nhằm đảm bảo việc giải quyết khiếu nại trong thi hành án dân sự được nhanh chóng, kịp thời, đúng quy định pháp luật, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân để nâng cao hiệu quả hoạt động thi hành án dân sự.

2. PHẠM VI

Áp dụng đối với hoạt động giải quyết khiếu nại về thi hành án dân sự (lần 1).

Phòng Kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo tham mưu Lãnh đạo Cục Thi hành án dân sự chịu trách nhiệm thực hiện quy trình này.

3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

Các văn bản pháp quy liên quan đề cập tại mục 5.8

4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT

THADS: Thi hành án Dân sự

GQKNTC: Giải quyết khiếu nại, tố cáo

GQKN : Giải quyết khiếu nại

5. NỘI DUNG

5.1	Điều kiện thực hiện thủ tục hành chính
	<p>Những trường hợp khiếu nại không được thụ lý giải quyết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định, hành vi bị khiếu nại không liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của người khiếu nại. - Người khiếu nại không có năng lực hành vi dân sự đầy đủ mà không có người đại diện hợp pháp, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. - Người đại diện không có giấy tờ chứng minh về việc đại diện hợp pháp của mình. - Thời hiệu khiếu nại đã hết.

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC	QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI VỀ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ (LẦN 1)	Mã hiệu: QT.GQKN.02
		Ngày ban hành: / /2021
		Lần ban hành: 01
		Trang: 5/9

	<p>- Việc khiếu nại đã có quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực thi hành, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 4 và điểm b khoản 7 Điều 142 của Luật THADS.</p> <p>- Việc khiếu nại giấu tên, mạo tên, không rõ địa chỉ, nhân danh tập thể, không có chữ ký hoặc điểm chỉ của người khiếu nại; việc khiếu nại đồng thời gửi nhiều cơ quan, trong đó đã đề gửi cơ quan có thẩm quyền giải quyết; việc khiếu nại đã mời người khiếu nại hai lần để xác định nội dung khiếu nại, yêu cầu cung cấp thông tin, tài liệu nhưng người khiếu nại không đến, không cung cấp theo yêu cầu mà không có lý do .</p>		
5.2	Thành phần hồ sơ khiếu nại lần 1 tiếp nhận ban đầu	Bản chính	Bản sao
	Đơn của người khiếu nại phải ghi rõ ngày, tháng, năm khiếu nại; họ, tên, địa chỉ của người khiếu nại; họ, tên, địa chỉ của người bị khiếu nại; nội dung khiếu nại, lý do khiếu nại và yêu cầu giải quyết. Đơn khiếu nại phải do người khiếu nại ký tên hoặc điểm chỉ	x	
	Nếu trình bày trực tiếp nội dung khiếu nại tại cơ quan có thẩm quyền giải quyết khiếu nại thì người có trách nhiệm tiếp nhận việc khiếu nại phải hướng dẫn người khiếu nại viết thành đơn hoặc ghi lại nội dung theo quy định, có chữ ký hoặc điểm chỉ của người khiếu nại	x	
	Nếu khiếu nại thông qua người đại diện thì người đại diện phải có giấy tờ chứng minh tính hợp pháp của việc đại diện	x	
	Quyết định về thi hành án dân sự bị khiếu nại	x	

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC	QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI VỀ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ (LẦN 1)	Mã hiệu: QT.GQKN.02
		Ngày ban hành: / /2021
		Lần ban hành: 01
		Trang: 6/9

	Các giấy tờ, bằng chứng, tài liệu liên quan đến khiếu nại (nếu có)	x	
5.3	Số lượng hồ sơ		
	01 bộ		
5.4	Thời gian xử lý		
	<p>- Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày thụ lý đơn khiếu nại đối với quyết định, hành vi về thi hành án trước khi áp dụng biện pháp bảo đảm, biện pháp cưỡng chế;</p> <p>- Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày thụ lý đơn khiếu nại đối với quyết định, hành vi về áp dụng biện pháp cưỡng chế.</p> <p>Trường hợp cần thiết, đối với những vụ việc có tính chất phức tạp thì thời hạn giải quyết khiếu nại có thể kéo dài nhưng không quá 30 ngày, kể từ ngày hết thời hạn giải quyết khiếu nại.</p> <p>- Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày thụ lý đơn khiếu nại đối với quyết định, hành vi sau khi áp dụng biện pháp cưỡng chế.</p> <p>- Trường hợp ở vùng sâu, vùng xa, đường sá xa xôi, đi lại khó khăn, vụ việc có tính chất phức tạp thì thời hạn giải quyết khiếu nại có thể kéo dài nhưng không quá 30 ngày, kể từ ngày hết thời hạn giải quyết khiếu nại.</p>		
5.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả		
	Cục Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình		
5.6	Lệ phí		
	Không		
5.7	Quy trình xử lý công việc		

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC	QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI VỀ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ (LẦN 1)	Mã hiệu: QT.GQKN.02
		Ngày ban hành: / /2021
		Lần ban hành: 01
		Trang: 7/9

TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
B1	- Tiếp nhận đơn hoặc nội dung trình bày của tổ chức/cá nhân - Vào Sổ nhận đơn khiếu nại, tố cáo, đề nghị, kiến nghị, phản ánh về THADS	Công chức được phân công	01 ngày	Sổ nhận đơn khiếu nại, tố cáo, đề nghị, kiến nghị, phản ánh về THADS
B2	Phân công công chức thụ lý đơn	Lãnh đạo Cục	01 ngày	
B3	Ban hành Thông báo về việc thụ lý GQKN	Lãnh đạo Cục	02 ngày	Thông báo thụ lý đơn BM.GQKN.02.01
B4	Thông báo bằng văn bản cho người khiếu nại biết việc thụ lý đơn	Công chức được phân công	01 ngày	Sổ thụ lý khiếu nại
B5	Ban hành văn bản yêu cầu người bị khiếu nại báo cáo giải trình, cung cấp hồ sơ, tài liệu	Lãnh đạo Cục	01 ngày	Công văn yêu cầu báo cáo, giải trình
B6	Gửi văn bản yêu cầu giải trình đến người bị khiếu nại	Công chức được phân công	01 ngày	
B7	Người bị khiếu nại thực hiện việc báo cáo giải trình, cung cấp hồ sơ, tài liệu	Người bị khiếu nại	05 ngày	Hồ sơ, tài liệu sao gửi được đánh số bút lục, có xác

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC	QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI VỀ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ (LẦN 1)	Mã hiệu: QT.GQKN.02
		Ngày ban hành: / /2021
		Lần ban hành: 01
		Trang: 8/9

				nhận của Thủ trưởng cơ quan
B8	Nghiên cứu đơn khiếu nại, xây dựng dự thảo Quyết định GQKN	Lãnh đạo Phòng kiểm tra, GQKNTC; Công chức được phân công	05- 20 ngày	Quyết định GQKN (lần 1) BM.GQKN.02.02
B9	Ban hành Quyết định GQKN đối với khiếu nại thuộc thẩm quyền	Lãnh đạo Cục THADS	03 ngày	Quyết định GQKN (lần 1) BM.GQKN.02.02
B10	Công khai kết quả giải quyết và thông báo đến người khiếu nại	Công chức được phân công	Giờ hành chính	Kết quả GQKN (lần 1)

Trường hợp ở vùng sâu, vùng xa, đường sá xa xôi, đi lại khó khăn, vụ việc có tính chất phức tạp thì thời hạn giải quyết khiếu nại có thể kéo dài nhưng không quá 30 ngày, kể từ ngày hết thời hạn giải quyết khiếu nại.

5.8 Cơ sở pháp lý

- Luật THADS số 26/2008/QH12;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật THADS số 64/2014/QH13;
- Thông tư số 02/2016/TT-BTP ngày 01/02/2016 của Bộ Tư pháp quy định quy trình giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo, đề nghị, kiến nghị, phản ánh trong THADS.

6. BIỂU MẪU

TT	Mã hiệu	Tên Biểu mẫu
----	---------	--------------

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC	QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI VỀ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ (LẦN 1)	Mã hiệu: QT.GQKN.02
		Ngày ban hành: / /2021
		Lần ban hành: 01
		Trang: 9/9

1.	BM.GQKN.01.01	Thông báo thụ lý đơn
2.	BM.GQKN.01.02	Kết luận nội dung tố cáo
3.	BM.GQKN.01.03	Thông báo về việc giải quyết tố cáo
TT	Mã hiệu	Tên Biểu mẫu
1.	BM.GQKN.02.01	Thông báo thụ lý đơn
2.	BM.GQKN.02.02	Quyết định giải quyết khiếu nại lần 1

7. HỒ SƠ CẢN LƯU

TT	Hồ sơ lưu
1.	Theo mục 5.2
2.	Các biểu mẫu theo văn bản pháp quy hiện hành: Thông báo thụ lý khiếu nại, sổ thụ lý khiếu nại, hồ sơ thi hành án, Quyết định giải quyết khiếu nại
3.	Kết quả thực hiện giải quyết khiếu nại
4.	Các biểu mẫu khác (nếu có) được lưu trữ theo thời gian quy định

Số:/TB-CTHADS

Ninh Bình, ngày.....tháng.....năm 20....

THÔNG BÁO

Về việc thụ lý/không thụ lý đơn khiếu nại (tố cáo) thi hành án

Căn cứ Điều 148; ĐiềuLuật Thi hành án dân sự;
Căn cứ Bản án, Quyết định số: ngày.....tháng.....năm.....
của

Căn cứ Quyết định thi hành án số: ngày.....tháng.....năm.....
của

Căn cứ đơn khiếu nại (tố cáo) về thi hành án của ông (bà):
.....
địa chỉ:

Nội dung khiếu nại (tố cáo):
.....
.....
.....

Sau khi xem xét đơn khiếu nại (tố cáo) về thi hành án của ông (bà), Cục Thi hành án dân sự
đã thụ lý (hoặc không thụ lý) đơn khiếu nại (tố cáo) về thi hành án của ông (bà)
.....

Lý do (trường hợp không thụ lý)

Vậy, Cục Thi hành án dân sự
thông báo để ông (bà)..... biết./.

CỤC TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Người KN,TC;

- Lưu: VT, HS.

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC	QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI VỀ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ (LẦN 1)	Mã hiệu: QT.GQKN.02
		Ngày ban hành: / /2021
		Lần ban hành: 01
		Trang: 11/9

TỔNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TỈNH NINH BÌNH
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/TB-CTHADS

Ninh Bình, ngày.....tháng.....năm 20....

THÔNG BÁO

Về việc thụ lý/không thụ lý đơn khiếu nại (tố cáo) thi hành án

Căn cứ Điều 148; ĐiềuLuật Thi hành án dân sự;
 Căn cứ Bản án, Quyết định số: ngày.....tháng.....năm.....
 của

Căn cứ Quyết định thi hành án số: ngày.....tháng.....năm.....
 của

Căn cứ đơn khiếu nại (tố cáo) về thi hành án của ông (bà):

 địa chỉ:

Nội dung khiếu nại (tố cáo):

Sau khi xem xét đơn khiếu nại (tố cáo) về thi hành án của ông (bà), Cục Thi hành án dân sự
 đã thụ lý (hoặc không thụ lý) đơn khiếu nại (tố cáo) về thi hành án của ông (bà)

Lý do (trường hợp không thụ lý)

Vậy, Cục Thi hành án dân sự
 thông báo đề ông (bà)..... biết./.

CỤC TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Người KN,TC;
- Lưu: VT, HS.

TỔNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TỈNH NINH BÌNH

TCVN ISO 9001:2015

QUY TRÌNH
GIẢI QUYẾT TỐ CÁO VỀ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

MÃ HIỆU : QT.GQKN.01
LẦN BAN HÀNH : 01
NGÀY BAN HÀNH : 30/6/ 2021

	SOẠN THẢO	SOÁT XÉT	PHÊ DUYỆT
Họ và tên	Lê Anh Tú	Giang Văn Minh	Phạm Xuân Túy
Chữ ký		 	
Chức vụ	Thẩm tra viên	Trưởng phòng KTGQKNTC	Cục trưởng

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC	QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT TỐ CÁO VỀ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ	Mã hiệu:	QT.GQKN.01
		Ngày ban hành:	/ /2021
		Lần ban hành:	01
		Trang:	2/8

MỤC LỤC

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

1. MỤC ĐÍCH
2. PHẠM VI
3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN
4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT
5. NỘI DUNG QUY TRÌNH
6. BIỂU MẪU
7. HỒ SƠ CẦN LƯU

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC	QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT TỐ CÁO VỀ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ	Mã hiệu:	QT.GQKN.01
		Ngày ban hành:	/ /2021
		Lần ban hành:	01
		Trang:	4/8

--	--	--	--

1. MỤC ĐÍCH

Quy định rõ ràng, cụ thể về trình tự, hồ sơ, thủ tục giải quyết tố cáo về thi hành án dân sự đảm bảo thủ tục thực hiện được trung thực, chính xác, kịp thời.

2. PHẠM VI ÁP DỤNG

Áp dụng đối với hoạt động giải quyết tố cáo về thi hành án dân sự.

Phòng Kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo tham mưu Lãnh đạo Cục Thi hành án dân sự chịu trách nhiệm thực hiện quy trình này.

3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

Các văn bản pháp quy liên quan đề cập tại mục 5.8

4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT

THADS: Thi hành án dân sự

GQKN TC: Giải quyết khiếu nại, tố cáo

5. NỘI DUNG

5.1	Điều kiện thực hiện thủ tục hành chính		
	Công dân phải cung cấp tài liệu chứng minh hành vi vi phạm pháp luật của Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự, Chấp hành viên và công chức khác làm công tác thi hành án dân sự gây thiệt hại và đe dọa gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, cơ quan, tổ chức.		
5.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	Trường hợp tố cáo được thực hiện bằng đơn thì trong đơn tố cáo phải ghi rõ ngày, tháng, năm tố cáo; họ, tên, địa chỉ của người tố cáo; nội dung tố cáo. Đơn tố cáo phải do	x	

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC	QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT TỔ CÁO VỀ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ	Mã hiệu:	QT.GQKN.01
		Ngày ban hành:	/ /2021
		Lần ban hành:	01
		Trang:	5/8

	người tố cáo ký tên hoặc điểm chỉ. Trường hợp nhiều người cùng tố cáo bằng đơn thì trong đơn phải ghi rõ họ, tên, địa chỉ của từng người tố cáo, có chữ ký hoặc điểm chỉ của những người tố cáo; họ, tên người đại diện cho những người tố cáo để phối hợp khi có yêu cầu của người giải quyết tố cáo		
	Trường hợp người tố cáo đến tố cáo trực tiếp thì người tiếp nhận hướng dẫn người tố cáo viết đơn tố cáo hoặc người tiếp nhận ghi lại việc tố cáo bằng văn bản và yêu cầu người tố cáo ký tên hoặc điểm chỉ xác nhận vào văn bản, trong đó ghi rõ nội dung như trên. Trường hợp nhiều người đến tố cáo trực tiếp thì người tiếp nhận hướng dẫn người tố cáo cử đại diện để trình bày nội dung tố cáo	x	
	Các tài liệu, hồ sơ chứng minh kèm theo	x	
5.3	Số lượng hồ sơ		
	01 bộ		
5.4	Thời gian xử lý		
	Thời hạn giải quyết tố cáo là 60 ngày, kể từ ngày thụ lý giải quyết tố cáo; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết là 90 ngày, kể từ ngày thụ lý giải quyết tố cáo. Trường hợp cần thiết, người có thẩm quyền giải quyết tố cáo có thể gia hạn giải quyết một lần nhưng không quá 30 ngày; đối với vụ việc phức tạp thì không quá 60 ngày		
5.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả		
	Cục Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình		

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC	QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT TỐ CÁO VỀ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ	Mã hiệu:	QT.GQKN.01
		Ngày ban hành:	/ /2021
		Lần ban hành:	01
		Trang:	6/8

5.6	Lệ phí			
	Không			
5.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
B1	- Tiếp nhận đơn hoặc nội dung trình bày của tổ chức/cá nhân - Vào Sổ nhận đơn khiếu nại, tố cáo, đề nghị, kiến nghị, phản ánh về THADS	Công chức được phân công	01 ngày	Sổ nhận đơn khiếu nại, tố cáo, đề nghị, kiến nghị, phản ánh về THADS
B2	Phân công công chức thụ lý đơn	Lãnh đạo Cục	01 ngày	
B3	Ban hành Thông báo về việc thụ lý giải quyết tố cáo	Lãnh đạo Cục	03 ngày	Thông báo thụ lý đơn BM.GQKN.01.01
B4	Thông báo bằng văn bản cho người tố cáo biết việc thụ lý đơn	Công chức được phân công	05 ngày	
B5	Tiến hành xác minh nội dung tố cáo	Đoàn xác minh, Tổ xác minh nội dung tố cáo	40-70 ngày	
B6	Thông báo hướng giải quyết tố cáo trình Lãnh đạo Cục ký Kết	Đoàn xác minh, Tổ xác	05 ngày	Báo cáo kết quả xác minh tố cáo

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC	QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT TỐ CÁO VỀ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ	Mã hiệu:	QT.GQKN.01
		Ngày ban hành:	/ /2021
		Lần ban hành:	01
		Trang:	7/8

	luận giải quyết tố cáo	minh nội dung tố cáo		BM.GQKN.01.02
B7	Ban hành Kết luận nội dung tố cáo đối với đơn tố cáo thuộc thẩm quyền	Lãnh đạo Cục THADS	03 ngày	Kết luận nội dung tố cáo BM.GQKN.01.03
B8	Ban hành Thông báo kết luận nội dung tố cáo	Lãnh đạo Cục THADS	02 ngày	Thông báo về việc giải quyết tố cáo BM.GQKN.01.04
B9	Công khai kết quả giải quyết và thông báo đến người tố cáo	Công chức được phân công	Giờ hành chính	Thông báo về việc giải quyết tố cáo BM.GQKN.01.04
5.8	Cơ sở pháp lý			
	<ul style="list-style-type: none"> - Luật THADS số 26/2008/QH12 ngày 14/11/2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật THADS số 64/2014/QH13 ngày 25/11/2014; - Luật Tố cáo số 25/2018/QH14 ngày 12/6/2018; - Thông tư số 02/2016/TT-BTP ngày 01/02/2016 của Bộ Tư pháp quy định quy trình giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo, đề nghị, kiến nghị, phản ánh trong THADS. 			

6. BIỂU MẪU

TT	Mã hiệu	Tên Biểu mẫu
1.	BM.GQKN.01.01	Thông báo thụ lý đơn
2.	BM.GQKN.01.02	Báo cáo kết quả xác minh tố cáo
3.	BM.GQKN.01.03	Kết luận nội dung tố cáo
4.	BM.GQKN.01.04	Thông báo về việc giải quyết tố cáo

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC	QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT TỐ CÁO VỀ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ	Mã hiệu:	QT.GQKN.01
		Ngày ban hành:	/ /2021
		Lần ban hành:	01
		Trang:	8/8

7. HỒ SƠ CÀN LƯU

TT	Hồ sơ lưu
1.	Theo mục 5.2
2.	Các biểu mẫu theo văn bản pháp quy hiện hành: Thông báo thụ lý đơn tố cáo, Quyết định về việc xác minh nội dung tố cáo, Kết luận nội dung tố cáo, Thông báo kết luận nội dung tố cáo
3.	Kết quả thực hiện giải quyết tố cáo
4.	Các biểu mẫu khác (nếu có) được lưu trữ theo thời gian quy định

Số:/TB-CTHADS

Ninh Bình, ngày.....tháng.....năm 2021

THÔNG BÁO

Về việc thụ lý/không thụ lý đơn khiếu nại (tổ cáo) thi hành án

Căn cứ Điều 148; ĐiềuLuật Thi hành án dân sự;
Căn cứ Bản án, Quyết định số: ngày.....tháng.....năm.....
của
Căn cứ Quyết định thi hành án số: ngày.....tháng.....năm.....
của
Căn cứ đơn khiếu nại (tổ cáo) về thi hành án của ông (bà):
.....
địa chỉ:

Nội dung khiếu nại (tổ cáo):

Sau khi xem xét đơn khiếu nại (tổ cáo) về thi hành án của ông (bà), Cục Thi hành án dân sự
đã thụ lý (hoặc không thụ lý) đơn khiếu nại (tổ cáo) về thi hành án của ông (bà)
.....

Lý do (trường hợp không thụ lý)

Vậy, Cục Thi hành án dân sự
thông báo để ông (bà)..... biết./.

CỤC TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Người KN, TC;
- Lưu: VT, HS.

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC	QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT TỐ CÁO VỀ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ	Mã hiệu:	QT.GQKN.01
		Ngày ban hành:	/ /2021
		Lần ban hành:	01
		Trang:	10/8

BM.GQKN.01.01

TÊN CQ, TC CHỦ QUẢN (1)
ĐOÀN (TỔ) XÁC MINH
NỘI DUNG TỐ CÁO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....(2)...., ngày ... tháng ... năm ...

BÁO CÁO

Kết quả xác minh nội dung tố cáo

Kính gửi:(3).....

Thực hiện Quyết định số.../QĐ... ngày ... /... /... của(4)
Từ ngày .../.../... đến ngày .../.../....., Đoàn (Tổ) xác minh đã tiến hành xác minh
nội dung tố cáo đối
với:(5)

Đoàn (Tổ) xác minh nội dung tố cáo báo cáo kết quả xác minh nội dung tố cáo,
như sau:

1. Kết quả xác minh:(6).....
2. Nhận xét, đánh giá:(7).....
3. Kiến nghị:(8).....

Trên đây là báo cáo kết quả xác minh nội dung tố cáo, đề nghị... (3)..... xem xét,
chỉ đạo./.

<p>Nơi nhận: - Như trên; -; - Lưu: VT, hồ sơ.</p>	<p>TRƯỞNG ĐOÀN (TỔ) XÁC MINH (*) <i>(Chữ ký)</i></p> <p>Họ và tên</p>
--	--

Ghi chú:

- (1) Tên cơ quan, tổ chức ban hành Quyết định thành lập Đoàn (Tổ) xác minh.
 - (2) Địa danh.
 - (3) Người đứng đầu cơ quan, tổ chức ban hành Quyết định thành lập Đoàn (Tổ) xác minh.
 - (4) Người ban hành, trích yếu Quyết định thành lập Đoàn (Tổ) xác minh.
 - (5) Tên cơ quan, tổ chức hoặc họ tên, chức vụ, chức danh, địa chỉ của cá nhân bị tố cáo và tóm tắt nội dung tố cáo.
 - (6) Kết quả xác minh theo từng nội dung tố cáo, nội dung giải trình của người bị tố cáo.
 - (7) Nhận xét, đánh giá theo từng nội dung tố cáo, trong đó nêu rõ căn cứ pháp luật để xác định có hay không có hành vi vi phạm pháp luật, nội dung tố cáo là tố cáo đúng, đúng một phần hoặc sai; việc cố ý tố cáo sai (nếu có); nhận xét, đánh giá về hành vi vi phạm pháp luật của người bị tố cáo, cơ quan, tổ chức, cá nhân khác (nếu có); xác định trách nhiệm của từng cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến nội dung tố cáo.
 - (8) Kiến nghị xử lý đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm; các biện pháp cần thiết để bảo vệ lợi ích của nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.
- (*) Trưởng Đoàn (Tổ) xác minh nội dung tố cáo ký vào từng trang của Báo cáo.

TỔNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
TỈNH NINH BÌNH

Số:/KL-CTHADS

Ninh Bình, ngày..... tháng..... năm 20....

KẾT LUẬN NỘI DUNG TỐ CÁO

Đối với

Ngày/.../.... , Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự..... đã có Quyết định số về việc xác minh nội dung tố cáo của công dân đối với.....

Xét nội dung tố cáo, văn bản giải trình của người bị tố cáo, kết quả xác minh tố cáo, các tài liệu, bằng chứng có liên quan, Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự..... kết luận như sau:

I/ KẾT QUẢ XÁC MINH CÁC NỘI DUNG TỐ CÁO:

1/ Nội dung tố cáo:

.....
.....
.....
.....

2/ Nội dung giải trình của người bị tố cáo:

.....(những thông tin, tài liệu, bằng chứng do người bị tố cáo cung cấp)
.....
.....
.....

3/ Nội dung những tài liệu, bằng chứng mà Đoàn xác minh tố cáo đã thu thập được để chứng minh tính đúng, sai của hành vi bị tố cáo:

.....
.....

4/ Nhận xét, đánh giá về nội dung tố cáo:

.....
.....(phân tích, đánh giá về việc tố cáo đúng, sai hay đúng một phần, phân tích nguyên nhân, mức độ gây thiệt hại của hành vi, trách nhiệm của người bị tố cáo, những đối tượng khác có liên quan).....

II/ KẾT LUẬN:

- Kết luận về những hành vi bị tố cáo.....

.....

- Kết luận về việc người tố cáo cố ý hay không cố ý (nếu tố cáo sai sự thật).

.....

- Kết luận về những hành vi phạm pháp luật của người bị tố cáo (nếu có),

.....

.....(thiệt hại và trách nhiệm của người bị tố cáo và các đối tượng khác có liên quan).....

III/ KIẾN NGHỊ

1/ Kiến nghị đối với người giải quyết tố cáo (trường hợp người kết luận tố cáo không phải là người giải quyết tố cáo):

Kiến nghị những nội dung người giải quyết tố cáo cần thực hiện trong phạm vi thẩm quyền của mình để xử lý vi phạm và khắc phục hậu quả do hành vi vi phạm gây ra.

2/ Kiến nghị đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân khác (nếu có)/.

CỤC TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Tổng cục THADS;
- Phòng KT và GQKNTC;
- Người tố cáo, người bị tố cáo;
- Lưu VT, HS..

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC	QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT TỐ CÁO VỀ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ	Mã hiệu:	QT.GQKN.01
		Ngày ban hành:	/ /2021
		Lần ban hành:	01
		Trang:	14/8

BM.GQKN.01.03

TỔNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TỈNH NINH BÌNH

TCVN ISO 9001:2015

QUY TRÌNH
NHẬN TÀI SẢN ĐÃ KÊ BIÊN ĐỂ TRỪ VÀO TIỀN ĐƯỢC THI HÀNH ÁN

MÃ HIỆU : QT.NV.02
LẦN BAN HÀNH : 01
NGÀY BAN HÀNH : 30/6/2021

	SOẠN THẢO	SOÁT XÉT	PHÊ DUYỆT
Họ và tên	Trương Thị Hương	Giang Công Thủy	Phạm Xuân Túy
Chữ ký		 	
Chức vụ	Chấp hành viên	Trưởng phòng	Cục trưởng

CỤC THADS TỈNH NINH BÌNH	QUY TRÌNH NHẬN TÀI SẢN ĐÃ KÊ BIÊN ĐỀ TRỪ VÀO TIỀN ĐƯỢC THI HÀNH ÁN	Mã hiệu:	QT.NV.02
		Ngày ban hành:	30/6/2020
		Lần ban hành:	01
		Trang:	2/9

MỤC LỤC

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

- 1. MỤC ĐÍCH**
- 2. PHẠM VI**
- 3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN**
- 4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT**
- 5. NỘI DUNG QUY TRÌNH**
- 6. BIỂU MẪU**
- 7. HỒ SƠ CẢN LƯU**

CỤC THADS TỈNH NINH BÌNH	QUY TRÌNH NHẬN TÀI SẢN ĐÃ KÊ BIÊN ĐỀ TRỪ VÀO TIỀN ĐƯỢC THI HÀNH ÁN	Mã hiệu:	QT.NV.02
		Ngày ban hành:	30/6/2020
		Lần ban hành:	01
		Trang:	4/9

1. MỤC ĐÍCH

Quy định thống nhất trách nhiệm, thời gian thực hiện, trình tự, cách thức nhận tài sản đã kê biên để trừ vào tiền được thi hành án.

2. PHẠM VI

Quy trình áp dụng đối với: Thủ trưởng, các Phó Thủ trưởng được phân công, Chấp hành viên, Kế toán, văn thư, đương sự trong vụ việc thi hành án; các phòng, ban có liên quan gồm: Phòng Nghiệp vụ & Tổ chức thi hành án, Phòng Kế hoạch, tài chính, Văn phòng Cục Thi hành án dân sự các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Bộ phận 1 cửa.

3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

- Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015;
- Luật Thi hành án dân sự số 26/2008/QH12 ngày 14/11/2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự số 64/2014/QH13 ngày 25/11/2014;
- Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án dân sự;
- Nghị định số 33/2020/NĐ-CP ngày 17/3/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án dân sự và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự;
- Thông tư số 01/2016/TT-BTP ngày 01/02/2016 của Bộ Tư pháp hướng dẫn một số thủ tục về quản lý hành chính và biểu mẫu nghiệp vụ trong thi hành án dân sự;
- Thông tư liên tịch số 11/2016/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC ngày 01/8/2016 của Bộ Tư pháp, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao quy định một số vấn đề về thủ tục thi hành án dân sự và phối hợp liên ngành trong thi hành án dân sự;
- Thông tư số 216/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thi hành án dân sự.

4. ĐỊNH NGHĨA/ VIẾT TẮT

THADS: Thi hành án dân sự

CỤC THADS TỈNH NINH BÌNH	QUY TRÌNH NHẬN TÀI SẢN ĐÃ KÊ BIÊN ĐỀ TRỪ VÀO TIỀN ĐƯỢC THI HÀNH ÁN	Mã hiệu:	QT.NV.02
		Ngày ban hành:	30/6/2020
		Lần ban hành:	01
		Trang:	5/9

5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

5.1	Cơ sở pháp lý		
	<p>- Luật Thi hành án dân sự số 26/2008/QH12 ngày 14/11/2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự số 64/2014/QH13 ngày 25/11/2014;</p> <p>- Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án dân sự;</p> <p>- Nghị định số 33/2020/NĐ-CP ngày 17/3/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án dân sự và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự;</p> <p>- Thông tư số 01/2016/TT-BTP ngày 01/02/2016 của Bộ Tư pháp hướng dẫn một số thủ tục về quản lý hành chính và biểu mẫu nghiệp vụ trong thi hành án dân sự;</p> <p>- Thông tư liên tịch số 11/2016/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC ngày 01/8/2016 của Bộ Tư pháp, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao quy định một số vấn đề về thủ tục thi hành án dân sự và phối hợp liên ngành trong thi hành án dân sự;</p> <p>- Thông tư số 216/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thi hành án dân sự.</p>		
5.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	1. Đơn đề nghị nhận tài sản để trừ vào tiền được thi hành án hoặc Biên bản thỏa thuận giữa người được thi hành án và người phải thi hành án về việc nhận tài sản đã kê biên để trừ vào tiền được thi hành án hoặc biên bản giải quyết việc thi hành án ghi nhận sự thỏa thuận giữa người được thi hành án và người phải thi hành án về việc nhận tài sản đã kê biên để trừ vào tiền được thi hành án;	x	
	2. Chứng minh nhân dân, thẻ căn cước hoặc hộ chiếu.		x
5.3	Số lượng hồ sơ		

CỤC THADS TỈNH NINH BÌNH	QUY TRÌNH NHẬN TÀI SẢN ĐÃ KÊ BIÊN ĐỀ TRỪ VÀO TIỀN ĐƯỢC THI HÀNH ÁN	Mã hiệu:	QT.NV.02
		Ngày ban hành:	30/6/2020
		Lần ban hành:	01
		Trang:	6/9

	01 bộ
5.4	Thời gian xử lý
	Theo quy định
5.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả
	Bộ phận 1 cửa
5.6	Lệ phí
	Mức phí thi hành án dân sự phải nộp theo quy định tại Thông tư số 216/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thi hành án dân sự
5.7	Quy trình xử lý công việc

QUY TRÌNH XỬ LÝ CÔNG VIỆC

TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
B1	Nộp đơn đề nghị nhận tài sản để trừ vào tiền được thi hành án	Người được thi hành án/ Người được ủy quyền	Giờ hành chính	Đơn đề nghị BM.NV.02.01
	Nộp biên bản thỏa thuận giữa người được thi hành án và người phải thi hành án về việc nhận tài sản đã kê biên để trừ vào tiền được thi hành án			Biên bản thỏa thuận BM.NV.02.02
	Nộp biên bản giải quyết việc thi hành án ghi nhận sự thỏa thuận giữa người được thi hành án và người phải thi hành án về việc nhận tài sản đã kê biên để trừ vào tiền được thi hành án			Biên bản giải quyết BM.NV.02.03
B2	Tiếp nhận hồ sơ và phiếu nhận đơn, hẹn ngày trả kết quả	Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	Phiếu nhận đơn BM.NV.02.04
B3	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Cục	01 ngày	

CỤC THADS TỈNH NINH BÌNH	QUY TRÌNH NHẬN TÀI SẢN ĐÃ KÊ BIÊN ĐỀ TRỪ VÀO TIỀN ĐƯỢC THI HÀNH ÁN	Mã hiệu:	QT.NV.02
		Ngày ban hành:	30/6/2020
		Lần ban hành:	01
		Trang:	7/9

B4	Thẩm định hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ không đúng quy định, cần sửa chữa, bổ sung, thông báo cho người được thi hành án không quá 03 ngày, nêu rõ lý do. - Trường hợp, hồ sơ đáp ứng yêu cầu, thực hiện bước tiếp theo.	Chấp hành viên	03 ngày	Văn bản thông báo cho người được thi hành án
B5	Chuẩn bị hồ sơ báo cáo Lãnh đạo phòng trình Lãnh đạo Cục về việc người được thi hành án đề nghị nhận tài sản đã kê biên để trừ vào tiền được thi hành án và phương án giải quyết tiếp theo	Chấp hành viên	02 ngày	
B6	Duyệt hồ sơ đề nghị	Lãnh đạo Cục	02 ngày	
B7	Thông báo cho người phải thi hành án về việc người được thi hành án đề nghị nhận tài sản đã kê biên để trừ vào tiền được thi hành án Thông báo cho người được thi hành án, người phải thi hành án về việc bàn giao tài sản cho người được thi hành án theo thỏa thuận để trừ vào tiền được thi hành án	Chấp hành viên	02 ngày	Thông báo nhận tài sản để trừ vào tiền thi hành án BM.NV.02.05
B8	Ghi nhận ý kiến của người phải thi hành án. Trường hợp người phải thi hành án không nhất trí thì có quyền nộp đủ số tiền thi hành án và chi phí thi hành án để lấy lại tài sản đưa ra bán đấu giá	Người được thi hành án, người phải thi hành án/ người được ủy quyền	30 ngày	Biên bản giải quyết BM.NV.02.03
B9	Xử lý thông tin, yêu cầu của người được thi hành án, người	Chấp hành viên	03 ngày	

CỤC THADS TỈNH NINH BÌNH	QUY TRÌNH NHẬN TÀI SẢN ĐÃ KÊ BIÊN ĐỀ TRỪ VÀO TIỀN ĐƯỢC THI HÀNH ÁN	Mã hiệu:	QT.NV.02
		Ngày ban hành:	30/6/2020
		Lần ban hành:	01
		Trang:	8/9

	phải thi hành án - Nếu nhất trí giao tài sản cho người được thi hành án để trừ vào tiền được thi hành án thì lên phương án giao tài sản cho người được thi hành án để trừ vào tiền được thi hành án; - Nếu người phải thi hành án không nhất trí mà không nộp đủ số tiền thi hành án, chi phí thi hành án thì thực hiện giao tài sản cho người được thi hành án để trừ vào tiền được thi hành án.			
B10	Phê duyệt phương án giao tài sản cho người được thi hành án để trừ vào số tiền được thi hành án	Lãnh đạo Cục	03 ngày	
B11	Giao tài sản cho người được thi hành án để trừ vào tiền được thi hành án	Chấp hành viên	Thời gian theo quy định của pháp luật và tình hình thực tế	
B12	Thu phí thi hành án dân sự	Chấp hành viên, Người được thi hành án	Sau khi nhận tài sản	Biên lại thu phí Quyết định thu phí BM.NV.02.06

6. BIỂU MẪU

<i>TT</i>	<i>Mã hiệu</i>	<i>Tên Biểu mẫu</i>
1.	BM.NV.02.01	Đơn đề nghị nhận tài sản để trừ vào tiền được thi hành án
2.	BM.NV.02.02	Biên bản thỏa thuận về việc nhận tài sản đã kê biên để trừ vào tiền được thi hành án
3.	BM.NV.02.03	Biên bản giải quyết thi hành án dân sự
4.	BM.NV.02.04	Phiếu nhận đơn
5.	BM.NV.02.05	Thông báo về đề nghị nhận tài sản đã kê biên để trừ vào tiền được thi hành án

CỤC THADS TỈNH NINH BÌNH	QUY TRÌNH NHẬN TÀI SẢN ĐÃ KÊ BIÊN ĐỀ TRỪ VÀO TIỀN ĐƯỢC THI HÀNH ÁN	Mã hiệu:	QT.NV.02
		Ngày ban hành:	30/6/2020
		Lần ban hành:	01
		Trang:	9/9

6.	BM.NV.02.06	Quyết định thu phí THADS
----	-------------	--------------------------

7. HỒ SƠ CẢN LƯU

TT	Hồ sơ lưu
1.	Đơn đề nghị nhận tài sản để trừ vào tiền được thi hành án
2.	Biên bản thỏa thuận giữa người được thi hành án và người phải thi hành án về việc nhận tài sản đã kê biên để trừ vào tiền được thi hành án
3.	Biên bản giao tài sản
4.	Quyết định thu phí
5.	Biên lai thu phí